

9. Vụ Công nghiệp.

10. Vụ Thương mại và dịch vụ.

11. Vụ Cơ sở hạ tầng.

12. Vụ Lao động Văn hóa xã hội.

13. Vụ Khoa học, giáo dục và môi trường.

14. Vụ Quan hệ với Lào.

15. Vụ Quốc phòng An ninh.

16. Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo.

17. Văn phòng Thẩm định dự án đầu tư.

18. Văn phòng Xét thầu Quốc gia.

19. Văn phòng Ủy ban.

20. Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam.

21. Trung tâm Thông tin (bao gồm cả Tạp chí kinh tế và dự báo).

22. Trường Nghiệp vụ kế hoạch.

Nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế các đơn vị trên do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quyết định trong phạm vi tổng biên chế của Ủy ban đã được Chính phủ quy định.

Điều 4.- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sau khi trao đổi với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức Ủy ban Kế hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 5.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Bãi bỏ Nghị định số 49-CP ngày 25-3-1974 của Hội đồng Chính phủ và những quy định khác trước đây về nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trái với Nghị định này.

Điều 6.- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 183-CP ngày 18-11-1994 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 2 tháng 12 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

TỔ CHỨC, BỘ MÁY CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 1.-

1. Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Cơ quan Đại diện) gồm: Cơ quan Đại diện ngoại giao, Phái đoàn đại diện thường trực tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ và Cơ quan Lãnh sự.

2. Trong một số trường hợp cần thiết, Cơ quan Đại diện có thể có tên gọi khác theo sự thỏa thuận giữa Việt Nam và nước tiếp nhận để thực hiện một phần hoặc toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh về Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Pháp lệnh).

Thủ tướng Chính phủ quyết định quy chế hoạt động của các Cơ quan Đại diện nói tại Khoản 2 Điều này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

3. Ngoài các cơ quan quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này, không một cơ quan nào khác có tư cách và thẩm quyền thực hiện chức năng, nhiệm vụ cơ quan quản lý Nhà nước ở nước ngoài.

Điều 2.-

1. Căn cứ vào yêu cầu hoạt động đối ngoại và triển vọng phát triển quan hệ giữa Việt Nam với từng nước hoặc tổ chức quốc tế, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập hoặc đình chỉ hoạt động của Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục ngoại giao cần thiết để thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3.-

1. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm trao đổi ý kiến với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và tham khảo ý kiến Thủ trưởng các cơ quan hữu quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định về tổ chức, bộ máy và biên chế của Cơ quan Đại diện, trong đó quy định rõ chức danh tiêu chuẩn của từng bộ phận công tác và chỉ tiêu biên chế của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cần có cán bộ chuyên môn để đảm nhiệm các lĩnh vực công tác của Cơ quan Đại diện.

2. Trong trường hợp do yêu cầu đối ngoại cấp bách, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao được phép điều chỉnh biên chế giữa các Cơ quan Đại diện trong phạm vi tổng biên chế do Thủ tướng Chính phủ duyệt cho Bộ Ngoại giao. Đối với biên chế của các Bộ, ngành khác trong các Cơ quan Đại diện, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cũng được phép điều chỉnh sau khi trao đổi thống nhất ý kiến với Thủ trưởng các Bộ, cơ quan hữu quan.

3. Quy định tại Khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với các trường hợp điều chỉnh, bổ sung biên chế của các Cơ quan Đại diện đã được thành lập.

Điều 4.-

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao căn cứ vào mức độ và tầm quan trọng của từng lĩnh vực quan hệ giữa Việt Nam với nước hoặc tổ chức quốc tế tiếp nhận để quyết định cử viên chức và chức vụ ngoại giao cho công chức làm việc trong các bộ phận công tác thuộc Cơ quan Đại diện theo quy định tại các Điều 10 và Điều 17 của Pháp lệnh.

2. Khi cần thiết, người đứng đầu Cơ quan Đại diện có quyền điều chỉnh việc phân công công tác đối với các viên chức, nhân viên làm việc trong các bộ phận công tác thuộc Cơ quan Đại diện cho phù hợp với yêu cầu công tác của từng thời điểm, nhưng không để ảnh hưởng đến công tác chuyên môn của bộ phận công tác đó. Các viên chức, nhân viên đó phải chấp hành sự phân công công tác của người đứng đầu Cơ quan Đại diện.

Điều 5.-

1. Tiêu chuẩn của viên chức Cơ quan Đại diện:

a) Phải là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam và không có vợ, chồng hoặc bố, mẹ là người nước ngoài;

b) Phải là công chức Nhà nước Việt Nam;

c) Trung thành với Tổ quốc và lợi ích dân tộc;

d) Có trình độ lý luận từ sơ cấp trở lên; có lập trường chính trị vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt;

đ) Nắm vững và có khả năng vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách đối ngoại cũng như chủ trương công tác thuộc lĩnh vực mình phụ trách;

e) Có trình độ đại học, có kiến thức chuyên môn và trình độ ngoại ngữ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Tiêu chuẩn của nhân viên Cơ quan Đại diện:

Phải trung thành với Tổ quốc, có lập trường chính trị, phẩm chất đạo đức tốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực công tác được giao.

Điều 6.- Trong trường hợp cần thiết người đứng đầu Cơ quan Đại diện được quyền tuyển dụng người Việt Nam định cư ở nước tiếp nhận và người nước ngoài làm nhân viên Cơ quan Đại diện trong phạm vi chỉ tiêu biên chế đã được duyệt.

Điều 7.-

1. Nhiệm kỳ công tác của viên chức, nhân viên Cơ quan Đại diện là 3 năm.

2. Trong trường hợp đặc biệt, theo đề nghị của người đứng đầu Cơ quan Đại diện và Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự (đối với viên chức và nhân viên không thuộc biên chế của Bộ Ngoại giao), Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét quyết định việc kéo dài nhiệm kỳ công tác của viên chức, nhân viên Cơ quan Đại diện. Thời gian kéo dài không quá 18 tháng.

Điều 8.-

1. Việc cử Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Công sứ đặc mệnh toàn quyền và Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực tại Liên hợp quốc tiến hành như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về nhân sự trên cơ sở tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Nghị định này, sau khi đã tham khảo ý kiến của các cơ quan hữu quan

b) Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định.

Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục ngoại giao cần thiết với nước tiếp nhận hoặc Tổng Thư ký Liên hợp quốc sau khi có quyết định cử của Chủ tịch nước.

2. Trong trường hợp người đứng đầu Cơ quan Đại diện ngoại giao tại một nước đồng thời được cử làm người đứng đầu Cơ quan Đại diện ngoại giao tại một nước khác hoặc Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực tại tổ chức quốc tế thì Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục ngoại giao cần thiết.

3. Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Công sứ đặc mệnh toàn quyền và Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực tại Liên hợp quốc.

Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục ngoại giao cần thiết với nước tiếp nhận hoặc Tổng Thư ký Liên hợp quốc sau khi có quyết định triệu hồi của Chủ tịch nước.

Điều 9.-

1. Đối với việc cử người đứng đầu Cơ quan Đại diện Ngoại giao và Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực tại tổ chức quốc tế không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Nghị định này để xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể và Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục ngoại giao cần thiết với nước tiếp nhận hoặc người đứng đầu tổ chức quốc tế.

2. Trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định triệu hồi những người nói tại Khoản 1 Điều này, Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục ngoại giao cần thiết với nước tiếp nhận hoặc người đứng đầu tổ chức quốc tế.

Điều 10. - Đại biện lâm thời tại nước có Đại sứ đặc mệnh toàn quyền do Đại sứ đặc mệnh toàn quyền hoặc Bộ Ngoại giao giới thiệu với nước tiếp nhận.

Quyền Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực tại tổ chức quốc tế do Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực hoặc Bộ Ngoại giao giới thiệu với người đứng đầu tổ chức quốc tế.

Điều 11.- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định việc cử, triệu hồi, điều động viên chức, nhân viên Cơ quan Đại diện, trừ các chức vụ Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Công sứ đặc mệnh toàn quyền và Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực tại Liên hợp quốc.

Việc triệu hồi viên chức, nhân viên Cơ quan Đại diện được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a) Kết thúc nhiệm kỳ công tác.
- b) Không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

c) Không bảo đảm tiêu chuẩn về khỏe hoặc có những lý do đặc biệt khác.

d) Nước tiếp nhận tuyên bố không hoan nghênh hoặc không chấp nhận.

Điều 12.-

1. Việc cử và điều động viên chức, nhân viên không thuộc biên chế Bộ Ngoại giao ra công tác tại các Cơ quan Đại diện thực hiện như sau:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được Thủ tướng Chính phủ duyệt và tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Nghị định này chịu trách nhiệm xét chọn và cử nhân sự cụ thể sang Bộ Ngoại giao.

- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao căn cứ vào yêu cầu công tác và đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định cử viên chức và chức vụ ngoại giao, quyết định điều động nhân viên ra công tác tại Cơ quan Đại diện.

2. Việc quyết định triệu hồi, điều động viên chức, nhân viên không thuộc biên chế của Bộ Ngoại giao cần được tham khảo ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự đó.

Điều 13.-

1. Ngôi thứ viên chức ngoại giao trong Cơ quan Đại diện được xếp đặt theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh và Điều 13 của Nghị định này.

2. Người thứ hai trong Cơ quan Đại diện phải là viên chức ngoại giao thuộc biên chế của Bộ Ngoại giao.

3. Tham tán chuyên ngành và Tùy viên quân sự trong Cơ quan Đại diện được xếp sau người thứ 2 và Tham tán chính trị.

4. Viên chức ngoại giao phụ trách chính trị đối ngoại xếp trên các viên chức cùng chức vụ ngoại giao. Ngôi thứ các viên chức cùng chức vụ ngoại giao còn lại được xếp theo thứ tự thời gian đến nhận nhiệm vụ tại Cơ quan Đại diện.

Điều 14.-

1. Kinh phí của Cơ quan Đại diện gồm kinh phí duy trì hoạt động của cơ quan và kinh phí trả sinh hoạt phí cho các thành viên Cơ quan Đại diện theo chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước.

2. Người đứng đầu Cơ quan Đại diện căn cứ vào hoạt động của các bộ phận công tác trong Cơ quan Đại diện chịu trách nhiệm lập kế hoạch thu, chi ngân sách hàng năm gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; quản lý sử dụng kinh phí, tài sản của Cơ quan Đại diện theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước; hàng tháng lập báo cáo quyết toán gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.